



ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI - NƠI KIẾN TẠO THÀNH CÔNG



CƠ HỘI THỰC TẬP VÀ LÀM VIỆC TẠI NƯỚC NGOÀI

Hàng năm, Trường đưa trên 5000 người đi học tập, thực tập, làm việc tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Mỹ, Australia, Châu Âu.

Nhà trường liên kết hợp tác với trên 3000 doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hàng năm, Trường thu hút đầu tư, hỗ trợ trên 50 tỷ đồng kinh phí thực tập, thiết bị học tập cho sinh viên, tạo hàng nghìn cơ hội thực tập, làm việc, trải nghiệm thực tế cho sinh viên.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm đạt trên 95%

Địa điểm đào tạo

Trụ sở chính: 298 Đường Cầu Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Cơ sở 2: Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Cơ sở 3: Phường Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

MỌI CHI TIẾT VỀ TUYỂN SINH LIÊN HỆ:



Văn phòng Tuyển sinh - Học vụ
P.110, Tầng 1, Nhà A2,
Đại học Công nghiệp Hà Nội



298 Đường Cầu Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội



024.37655121
(Máy lẻ 277/255)
Hotline: 08.3456.0255



THÔNG TIN TUYỂN SINH 2023



<https://www.hau.edu.vn>



1.600 Giảng viên
330 Giáo sư,
Phó giáo sư,
Tiến sĩ



500 Giảng đường
250 Xưởng thực hành
Phòng thí nghiệm
08 Phòng học liệu, thư viện



1000 Phòng ký túc xá
09 Hội trường trên 200 chỗ
01 Nhà tập thể 2.100m²
01 Sân vận động 10.900m²

Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học công lập, có truyền thống 125 năm (1898-2023) xây dựng và phát triển, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

Đại học Công nghiệp Hà Nội đã đào tạo hàng trăm nghìn cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế, được xã hội đánh giá cao, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Hữu nghị của nước CHDCND Lào...

tuyensinh.hau.edu.vn
facebook.com/tuyensinh.hau



Học bổng

Năm 2023, Đại học Công nghiệp Hà Nội tiếp tục cấp học bổng cho sinh viên có quả xét tuyển đầu vào xuất sắc (là Thủ khoa, Á khoa của các phương thức xét tuyển; đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia) và sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền trên **10 tỷ đồng**.

TIẾN SĨ **Chỉ tiêu: 21**

Đối tượng: Người tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

Thời gian, phương thức:

- Tuyển sinh 04 đợt/năm (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12).

- Phương thức: Xét tuyển.

Ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kỹ thuật Cơ khí	9520103	6
2	Kỹ thuật Hóa học	9529301	3
3	Kế toán	9340301	5
4	Cơ khí động lực	9520116	3
5	Kỹ thuật điện	9520201	4

THẠC SĨ **Chỉ tiêu: 221**

Đối tượng: Người được công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phụ hợp với ngành dự tuyển.

Thời gian, phương thức:

- Tuyển sinh 02 đợt/năm (tháng 6 và tháng 10).

- Phương thức: Theo thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

Ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	10
2	Kỹ thuật Cơ khí động lực	8520116	15
3	Kỹ thuật Cơ điện tử	8520114	15
4	Kỹ thuật Hóa học	8520301	15
5	Kỹ thuật Điện tử	8520203	15
6	Kỹ thuật Điện	8520201	10
7	Kế toán	8340301	25
8	Quản trị Kinh doanh	8340101	30
9	Hệ thống Thông tin	8480104	35
10	Ngôn ngữ Anh	8220201	30
11	Công nghệ Dệt, May	8540204	6
12	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	15

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY **Chỉ tiêu: 7.500**

• **Phương thức tuyển sinh:**

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT

- Đối tượng tuyển thẳng: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

- Đối với thí sinh là học sinh hoàn thành dự bị đại học: Nhà trường sẽ thống nhất với các trường liên quan về chỉ tiêu và kế hoạch tiếp nhận.

Phương thức 2: Xét tuyển thí sinh đoạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố hoặc có chứng chỉ quốc tế:

- Đối tượng ĐKXT: Thí sinh đoạt giải học sinh giỏi THPT cấp tỉnh/thành phố hoặc có chứng chỉ quốc tế và được công nhận tốt nghiệp THPT.

- Điều kiện ĐKXT: Thí sinh thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh/ thành phố các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tin học, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn.

+ Thí sinh có một trong các chứng chỉ Quốc tế SAT ≥ 1000 ; Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS Academic ≥ 5.5 , TOEFL iBT ≥ 50 ; Chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK ≥ 3 ; Chứng chỉ tiếng Trung HSK ≥ 3 ; Chứng chỉ tiếng Nhật N ≤ 4 .

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

- Đối tượng ĐKXT: Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và được công nhận tốt nghiệp THPT.

- Điều kiện ĐKXT: Theo điểm các môn thi trong tổ hợp xét tuyển.

- Bảng mã tổ hợp môn xét tuyển:

Mã tổ hợp	Môn thi của tổ hợp XT	Mã tổ hợp	Môn thi của tổ hợp XT
A00	Toán, Vật lý, Hoá học	D04	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	D06	Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật
B00	Toán, Hoá học, Sinh học	D07	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	DD2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn

Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập ở bậc học THPT:

- Đối tượng ĐKXT: Thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT.

- Điều kiện ĐKXT: Thí sinh có điểm tổng kết cả năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 (cả năm lớp 10, 11, 12 đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước) của từng môn học trong tổ hợp đăng ký xét tuyển từ 7,5 điểm trở lên.

GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HỘI NHẬP

Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2023:

- Đối tượng ĐKXT: Thí sinh có chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2023 và được công nhận tốt nghiệp THPT.

- Điều kiện ĐKXT: Có tổng điểm thi đánh giá năng lực từ 75 điểm trở lên.

Phương thức 6: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức năm 2023:

- Đối tượng ĐKXT: Thí sinh có chứng nhận kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức năm 2023 và được công nhận tốt nghiệp THPT.

- Điều kiện ĐKXT: Có tổng điểm thi đánh giá tư duy từ 50 điểm trở lên.

• **Chương trình đào tạo và văn bằng tốt nghiệp:**

- Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO với thời gian đào tạo chuẩn 4 năm.

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân. Sinh viên có thể đăng ký học cùng lúc 2 chương trình để được cấp 2 bằng tốt nghiệp khác nhau.

- Chương trình đào tạo hợp tác quốc tế: Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo 2+2 dưới đây được cấp 2 bằng của hai trường:

+ Sinh viên nhập học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh có thể đăng ký xét tuyển theo chương trình liên kết đào tạo 2+2 giữa Đại học Công nghiệp Hà Nội với Đại học Khoa học Kỹ thuật Quảng Tây - Trung Quốc;

+ Sinh viên nhập học ngành Quản trị kinh doanh, ngành Quản trị khách sạn có thể đăng ký xét tuyển theo chương trình liên kết đào tạo 2+2 giữa ĐHCNHN với Đại học Bách khoa Quế Lâm - Trung Quốc;

• **Ngành tuyển sinh đào tạo:**

STT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp XT
1	Thiết kế thời trang	7210404	60	A00, A01, D01, D14
2	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101	10	
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	200	D01
4	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	120	D04, D01
5	Ngôn ngữ Nhật	7220209	70	D06, D01
6	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	70	DD2, D01
7	Ngôn ngữ học	7229020	40	C00, D01, D14
8	Kinh tế đầu tư	7310104	60	D04, D01
9	Trung Quốc học	7310612	40	A00, A01
10	Công nghệ đa phương tiện	7320113	50	A00, A01
11	Quản trị kinh doanh	7340101	300	A00, A01, D01
12	Marketing	7340115	120	A00, A01, D01
13	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	120	A00, A01, D01
14	Tài chính - Ngân hàng	7340201	170	A00, A01, D01
15	Kế toán	7340301	630	A00, A01, D01
16	Kiểm toán	7340302	130	A00, A01, D01
17	Quản trị nhân lực	7340404	120	A00, A01, D01
18	Quản trị văn phòng	7340406	120	A00, A01, D01
19	Khoa học máy tính	7480101	120	A00, A01
20	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	70	A00, A01
21	Kỹ thuật phần mềm	7480103	240	A00, A01
22	Hệ thống thông tin	7480104	120	A00, A01
23	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	140	A00, A01
24	Công nghệ thông tin	7480201	420	A00, A01
25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	370	A00, A01
26	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	300	A00, A01
27	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	420	A00, A01
28	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	120	A00, A01
29	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209	50	A00, A01
30	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	420	A00, A01
31	Năng lượng tái tạo	7519007	40	A00, A01
32	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	480	A00, A01
33	Công nghệ kỹ thuật điện tử y sinh	75103021	40	A00, A01
34	CNKT điều khiển và tự động hóa	7510303	280	A00, A01
35	Kỹ thuật sản xuất thông minh	75103031	40	A00, A01
36	Công nghệ kỹ thuật hoá học	7510401	210	A00, B00, D07
37	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	50	A00, B00, D07
38	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	60	A00, A01, D01
39	Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu	7519003	50	A00, A01
40	Thiết kế cơ khí và kiểu dáng công nghiệp	7510213	50	A00, A01
41	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử ô tô	7510204	60	A00, A01

STT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp XT
42	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118	50	A00, A01
43	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	40	A00, A01
44	Công nghệ thực phẩm	7540101	100	A00, B00, D07
45	Công nghệ vật liệu dệt, may	7540203	40	A00, A01, D01
46	Công nghệ dệt, may	7540204	170	A00, A01, D01
47	Hóa dược	7720203	50	A00, B00, D07
48	Du lịch	7810101	140	C00, D01, D14
49	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	140	A01, D01, D14
50	Quản trị khách sạn	7810201	140	A01, D01, D14
51	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	50	A01, D01, D14

ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CẤP BẰNG KỸ SƯ

Đối tượng ĐKXT: Tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp.

Phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc đại học.

Ngành đào tạo: CNKT cơ khí; CNKT ô tô; CNKT điện, điện tử; CNKT dệt từ viễn thông; Công nghệ thông tin; CN dệt, may; CNKT hóa học.

LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC **Chỉ tiêu: 250**

Đối tượng ĐKXT: Tốt nghiệp CĐ ngành đúng hoặc ngành phù hợp.

Phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc cao đẳng. Điểm xét tuyển là điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp ở bậc CĐ.

Ngành đào tạo:

STT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kế toán	7340301	30
2	Công nghệ thông tin	7480201	40
3	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	7510201	40
4	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	7510203	20
5	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	7510205	50
6	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	7510301	50
7	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7510302	20

ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC **Chỉ tiêu: 100**

Đối tượng ĐKXT: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tốt nghiệp cao đẳng, tốt nghiệp đại học.

Phương thức: XT dựa trên điểm tổng kết cả năm lớp 12 của các môn trong tổ hợp ĐKXT (tổ hợp tương ứng hình thức đại học chính quy).

Ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp XT
1	Kế toán	7340301	100	A00, A01, D01

ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO TỪ XA **Chỉ tiêu: 300**

Đối tượng ĐKXT: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên

Phương thức: Đối tượng có bằng TN CĐ: Xét tuyển theo điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp ở bậc CĐ; Đối tượng có bằng TN THPT hoặc tương đương: Xét tuyển dựa trên điểm TB cả năm các môn: Toán, Ngoại ngữ, Ngữ văn trong bảng điểm học bạ năm lớp 12.

Ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kế toán	7340301	150
2	Ngôn ngữ Anh	7220211	150

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY **Chỉ tiêu: 900**

Đối tượng ĐKXT: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Phương thức: Xét tuyển dựa trên điểm tổng kết cả năm lớp 12 của 2 môn Toán, Ngữ văn ở bậc học THPT

Ngành/nghe đào tạo:

STT	Ngành/nghe đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Cắt gọt kim loại	6520121	150
2	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	6510201	150
3	Công nghệ chế tạo máy	6510212	100
4	Công nghệ Ô tô	6510216	200
5	Điện công nghiệp	6520227	200
6	Điện tử công nghiệp	6520225	100